

Hậu Giang, Trà Vinh. Đặc biệt giống có khả năng chống chịu độ mặn lên đến 8dS/m nên phù hợp với nhiều vùng đất khác nhau, đặc biệt là thích nghi với những vùng đất nhiễm phèn mặn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Chí Bửu, Nguyễn Thị Lang, 2000. *Một số vấn đề cần biết về gạo xuất khẩu*. NXB Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh.
2. Bùi Chí Bửu, 2004. Cải tiến giống lúa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp đến 2010. *Hội nghị quốc gia chọn tạo giống lúa*. Viện lúa ĐBSCL, Cần Thơ, tháng 7/2004.
3. Nguyễn Thị Lang, 2008. *Nghiên cứu chọn giống lúa phẩm chất cao thông qua công nghệ di truyền phục vụ tỉnh Hậu Giang*. Đề tài cấp tỉnh, Sở KHCN Hậu Giang, Hậu Giang 10/2008.
4. Nguyễn Quốc Lý, 2008. *Kết quả khảo nghiệm và kiểm nghiệm giống cây trồng năm 2008*.
5. Nguyễn Thị Lang, 2008. *Nghiên cứu giống lúa giống lúa và nếp kháng rầy nâu, đạt phẩm chất xuất khẩu và phù hợp với các vùng sinh thái tỉnh An Giang*. Đề tài cấp tỉnh, Sở KHCN An Giang, An Giang 8/2008.
6. IRRI. 1996. *Standard evaluation system for rice*. Philippines. 52 p.

5. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA OM8928

Nguyễn Thị Lang*, Thái Thị Hạnh, Bùi Chí Bửu

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa OM 8928 được chọn lọc từ tổ hợp lai OM 3536/AS996; kết hợp các đặc tính quý của cây cha mẹ, thông qua MAS chọn lọc chính xác và rút ngắn thời gian chọn lọc con lai. Được Bộ NN&PTNT cho phép sản xuất thử theo quyết định 385 QĐ-TT-CLT ngày 17/8/2012.

II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

1. Đặc tính nông học, phẩm chất và phản ứng sâu bệnh

Giống lúa OM8928 là giống ngắn ngày thuộc nhóm A1, có thời gian sinh trưởng từ 90-95 ngày; Chiều cao cây 95-100cm; Cứng cây, dạng hình đẹp, bông chùm, không lép cây.

So với các giống khác, giống này có ưu điểm đẻ nhánh rất tốt với số bông/m² khá cao 340-380, số hạt chắc/bông rất cao 159 hạt. Trọng lượng 1000 hạt khá cao, đạt từ 24-25 gam.

Về chất lượng xay chà giống này có tỷ lệ gạo lức 78,3%, tỷ lệ gạo nguyên chiếm 36,3%, tỷ lệ gạo trắng là 66,6%. Chiều dài hạt gạo dài 6,89 mm, chiều rộng 1,94 mm, tỷ lệ dài/rộng của hạt



gạo đạt 3,55. Độ bạc bụng của giống này rất thấp chỉ chiếm 12,1% (cấp 1); hạt gạo thon dài, mặt gạo khá đẹp.

Về phẩm chất, giống OM8928 có hàm lượng amylose đạt 22,8%. Độ bền gel 66,33 mm; Độ trở hồ cấp 2; Hàm lượng protein khá cao 8,96%; mùi thơm cấp 0.

OM8928 có năng suất tương đối ổn định, tiềm năng lớn trong vụ đông xuân, năng suất đạt từ 6 đến hơn 8 tấn/ha. Thích nghi rộng, phù hợp các vùng cho ĐBSCL và các tỉnh Miền Đông Nam bộ.

Về phản ứng sâu, bệnh, qua đánh giá cho thấy giống lúa OM8928 có khả năng chống chịu được với bệnh đạo ôn ở cấp 3-5, kháng tốt đối với rầy nâu từ cấp 3-5...

III. KỸ THUẬT SẢN XUẤT

3.1. Thời vụ

Giống OM8928 thích hợp ở cả hai vụ đông xuân và hè thu tại các tỉnh ĐBSCL.

3.2. Chuẩn bị hạt giống

- Chọn giống và xử lý hạt giống:

Chuẩn bị hạt giống để gieo mạ cây: Hạt giống kỹ từ vụ mùa năm trước (đã loại bỏ tạp chất, giống khác, hạt lép, lửng...), đem ngâm (dung dịch axit pha loãng, nước muối, nước nóng-lạnh), ủ để hạt giống nảy mầm để chuẩn bị gieo mạ.

Chuẩn bị hạt giống cho sạ: Giống phải được phơi, rê, đãi cho sạch hạt cỏ và hạt lép trước khi ngâm. Sau khi ngâm 24 giờ, ủ khoảng 36-48 giờ cho đến khi vừa nứt nanh thì đem sạ. Giống phải để cho ráo nước trước khi đổ vào trong các trống của dụng cụ sạ hàng. Mỗi trống của dụng cụ sạ hàng nên chứa số lượng giống bằng nhau. Khi sạ phải bước đều bước, cố gắng kéo thẳng hàng.

3.3. Mật độ và phương thức gieo cấy

Có thể gieo cấy bằng cả 2 phương thức là cấy và sạ. Phương thức cấy mật độ cấy 1 tép/ bụi (với khoảng cách 20x20 hoặc 20x15 cm) để hạn chế sâu bệnh và dễ kiểm tra khử lẫn. Với phương thức sạ: Mật độ gieo sạ từ 80 kg giống/ha với sạ hàng, từ 80-100 kg/ha với sạ lan.

3.4. Kỹ thuật chăm sóc

a) Phương pháp sạ hàng

Đối với lúa sạ, trong giai đoạn đầu của cây lúa rất cần sự chăm sóc để cây lúa phát triển tốt.

** Phân bón*

Các loại phân sử dụng gồm đạm Urê, lân Super, DAP, NPK. Nếu dùng các loại phân chuồng hoặc phân hữu cơ, phân lân Super... thì nên bón lót. Lượng bón phân chuồng hoặc phân hữu cơ tương đương 8-10 tấn/ha, phân lân Super 200-250 kg/ha. Trường hợp không bón lót nên áp dụng công thức khuyến cáo bón thúc cho 01 hecta: Vụ hè thu: 80kgN- 40kgP₂O₅- 30kgK₂O. Vụ đông xuân: 90kgN- 40kgP₂O₅- 30kgK₂O. Bón làm 03 đợt.

Bón thúc đợt 1: Thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ. Lượng bón: 1/4N-1/4P₂O₅.

Bón thúc đợt 2: Thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ. Lượng bón: 1/2N-1/2P₂O₅-1/2K₂O.

Bón thúc đợt 3: Thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ. Lượng bón: 1/4N-1/4P₂O₅-1/2K₂O.

** Các biện pháp kỹ thuật khác*

Các biện pháp kỹ thuật khác như giữ mực nước trong ruộng, quản lý cỏ dại, phòng trừ sâu bệnh, áp dụng như ruộng sản xuất bình thường cùng loại giống và phù hợp với sản xuất đại trà trong vùng.

Thường xuyên quan sát khử lẫn các cây khác dạng và màu sắc của thân lá, tỉa lia mỗi tuần từ sau khi cấy đến trước trổ.

b) Phương pháp cấy

** Ruộng mạ*

Gieo mạ: Diện tích gieo mạ để cấy cho 1 ha là 1.000 m², lượng giống từ 7 - 10 kg. Đất gieo mạ được chuẩn bị rất kỹ: Tơi xốp, bằng phẳng, có rãnh thoát nước, lượng nước xâm xấp mặt ruộng. Đối với OM 8928 có thể gieo trồng trong cả hai vụ: Vụ đông xuân: Gieo mạ vào giữa tháng 11 thì cấy vào cuối 11 cho đến cuối tháng 2 thu hoạch (đối với thời gian sinh trưởng 95 - 100 ngày). Vụ hè thu: Tùy theo thời tiết hàng năm mà có thể gieo mạ vào đầu tháng 7 cho đến đầu tháng 8; trước khi nhổ mạ 3 - 5 ngày bón phân tiền chân mạ bằng 3 - 4 kg urê/1000m² để dễ nhổ mạ để cấy lúa mau ra rễ.

Chú ý: Cần chọn ruộng mạ có độ phì đất màu mỡ, chủ động tưới tiêu nước và phòng chống được các điều kiện bất thuận lợi. Tốt nhất là trên nền đất mà vụ trước không cấy lúa. Diện tích đất gieo mạ bằng khoảng 1/5 - 1/25 diện tích ruộng cấy. Kiểm tra ruộng mạ để khử các cây khác dạng, bằng cách quan sát màu sắc gốc mạ. Chăm sóc mạ như bón phân, phòng trừ sâu bệnh để mạ phát triển đảm bảo không thiếu mạ khi cấy.

** Ruộng cấy*

Chọn khu ruộng có độ màu mỡ khá, mặt ruộng bằng phẳng, chủ động tưới tiêu, dễ bảo vệ và phòng chống các điều kiện bất thuận. Ruộng có thể chia thành ô có cách ly hoặc dải bảo vệ (cách ly với giống khác ít nhất là 3m hoặc bố trí thời gian trở lệch ít nhất là 10 ngày). Đất cấy có thể được trực trước khi cấy từ 15 - 20 ngày, bón lót 60 kg DAP và 40 kg Kali/ha trước cấy 1 ngày.

Mạ có thể cấy ngay sau khi nhổ hoặc nhổ trước khi cấy một ngày.

Khoảng cách cây là 20 x 20 cm, số tép mạ cấy là 1 tép/bụi, độ sâu cấy 1,5 - 2 cm. Điều chỉnh lượng nước trên ruộng là 5 -10 cm. Nhổ mạ xong là cấy ngay trong ngày, không làm mạ bị giập nát, rễ mạ bị ảnh hưởng do nắng nóng hoặc khô nắng.

** Kỹ thuật chăm sóc lúa cấy*

Sau khi cấy 20 ngày nên sục bùn để cho rễ thoáng khí, đẻ nhánh nhiều.

Phân bón có thể sử dụng công thức phân 100-40-30 kg NPK/ha cho vụ đông xuân và 80-40-30 kg NPK/ ha cho vụ hè thu. Có thể chia làm nhiều lần bón (3 lần) và bón phân sớm cho lúa đẻ nhánh mạnh, và tập trung, hệ thống rễ ăn sâu, bền lá. Đón và rước đòng cho lúa bằng phân urê, lượng phân sử dụng khoảng 30 - 50 kg / ha, có thể phun Nitrat kali trước trở và sau khi trở đều.

Ruộng lúa cần được khử lẩn trong suốt quá trình sinh trưởng của cây lúa để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng ổn định bằng cách làm sạch cỏ dại, nhổ bỏ các cây bị sâu bệnh, nhổ bỏ cây khác giống, luôn giữ mực nước trong ruộng.

Các giống lúa thường bị sâu phao tấn công ở giai đoạn 5 - 20 ngày sau gieo, rầy nâu và sâu đục thân thường tấn công vào tháng 10-11 lúc lúa đẻ nhánh tối đa và làm đòng. Cần chú ý đề phòng và chữa trị kịp thời.

Sau khi lúa kết thúc đẻ nhánh nên tháo cạn ruộng trong 7 ngày để lúa đẻ nhánh và tăng cường độ cứng cây của lúa. Đối với các giống lúa thì chất lượng gạo quan trọng nhất là ngon cơm do đó khi canh tác cần chú ý lúc lúa trở đều thì cho rút nước cho đến khi thu hoạch mới đảm bảo giữ được chất lượng của gạo về sau.

3.5. Thu hoạch và bảo quản

Khi hạt chín trên 90% thì tiến hành thu hoạch. Các công cụ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến phải được vệ sinh thật kỹ để tránh tối đa mọi sự lẩn giống có thể xảy ra.

Nên suốt lúa với tốc độ vừa phải để không làm hạt lúa bị nứt, bể.

Phơi hoặc sấy ngay sau thu hoạch để lúa giữ được màu sáng đẹp và đảm bảo chất lượng gạo. Phơi khoảng ba nắng để đạt thủy phân 14,5%. Quạt thật sạch, loại tạp chất và đóng bao bảo quản

nơi thoáng mát và khô ráo. Bao được xếp vào kho theo lô, theo cấp, có lối đi, thông thoáng, tiện cho việc lấy mẫu kiểm tra. Trong và ngoài bao giống phải có nhãn thẻ ghi rõ tên giống, cấp giống, nơi sản xuất, vụ sản xuất, khối lượng.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ÁP DỤNG

Năm 2011, diện tích gieo trồng giống OM8928 lên 9.000 ha và đã được nhiều địa phương sử dụng để gieo cấy trong cả hai vụ đông xuân và hè thu. Giống OM8928 phát triển rộng ở hầu hết các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh ven biển như Long An, Đồng Tháp, An Giang, Cờ Đỏ, Ô Môn, Kiên Giang, Hóc Môn, Bình Thuận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Chí Bửu, Nguyễn Thị Lang, 2000. *Một số vấn đề cần biết về gạo xuất khẩu*. NXB Nông nghiệp. TP Hồ Chí Minh.
2. Bùi Chí Bửu, 2004. *Cải tiến giống lúa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp đến 2010*. Hội nghị quốc gia chọn tạo giống lúa. Viện lúa ĐBSCL. Cần Thơ, tháng 7/2004.
3. Nguyễn Thị Lang, 2008. *Nghiên cứu chọn giống lúa phẩm chất cao thông qua công nghệ di truyền phục vụ tỉnh Hậu Giang*. Đề tài cấp tỉnh. Sở KHCN Hậu Giang. Hậu Giang 10/2008.
4. Nguyễn Quốc Lý, 2008. *Kết quả khảo nghiệm và kiểm nghiệm giống cây trồng năm 2008*.
5. Nguyễn Thị Lang, 2008. *Nghiên cứu giống lúa giống lúa và nếp kháng rầy nâu, đạt phẩm chất xuất khẩu và phù hợp với các vùng sinh thái tỉnh An Giang*. Đề tài cấp tỉnh. Sở KHCN An Giang. An Giang 8/2008.
6. IRRI. 1996. *Standard evaluation system for rice*. Philippines. 52 p.

6. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT HẠT GIỐNG NGÔ LAI ĐƠN LCH9

Lê Quý Kha*, Châu Ngọc Lý và cs.

I. NGUỒN GỐC

Giống ngô lai đơn LCH9 được chọn tạo từ tổ hợp lai (CH1 x HL1). Dòng bố HL1 là dòng QPM (dòng ngô có hàm lượng và chất lượng protein cao) nhập nội từ CIMMYT (Trung tâm Nghiên cứu Ngô và Lúa mì Quốc tế) năm 2000. Dòng mẹ CH1 là dòng tự phối được rút từ quần thể 24 (CIMMYT) x DK999. LCH9 được công nhận giống chính thức theo Quyết định số 216/QĐ-TT-CLT ngày 2/10/2008.

II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

1. Đặc điểm giống ngô LCH-9

Giống ngô LCH-9 có thời gian sinh trưởng trung ngày, có thể trồng ở vụ xuân, xuân hè và đông sớm ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam.